

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 05/2025/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Bạc Liêu, ngày 10 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng
tài sản để thi hành án”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Hồng Trinh

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Minh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên họp: Bà Trần Mỹ Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 439/2024/TLST-VDS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án*” theo Quyết định mở phiên họp số 14/2024/QĐST-VDS ngày 24 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1981, chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu. Địa chỉ: Đường N, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Bùi Văn P**, sinh năm 1976. HKTT: Số B đường T, Khóm B, Phường G, Thành phố B, Tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: Nhà không số, đường N, khóm A, phường A, thành phố B.

- Bà **Lê Tú T**, sinh năm 1978. Hộ khẩu thường trú: Số B đường T, Khóm B, Phường G, Thành phố B, Tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: Nhà không số, đường N, khóm A, phường A, thành phố B.

- Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1960 và bà **Trần Ánh T1**, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: Số C, ấp T, xã H, Huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1972. Địa chỉ: B, Khu tập thể Đ, T, khóm B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành

K, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp V, H, V, tỉnh Bạc Liêu. (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2024)

(Ông P và ông H có mặt, bà L, bà T, ông D và bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 27/9/2024 và bản tự khai, người yêu cầu là bà Trần Thị L là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu trình bày: Bà L là Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu phân công tổ chức thi hành Bản án số 99/2020/DSPT ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Theo Bản án số 99/2020/DSPT ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thì ông Bùi Văn P phải thi hành trả cho ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Ánh T1 số tiền 1.668.750.000 đồng, trong đó: nợ gốc 1.500.000.000 đồng và nợ lãi 168.750.000 đồng.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã xác minh điều kiện thi hành án của ông Bùi Văn P được biết ông Bùi Văn P có tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60, địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T và tài sản gắn liền trên đất.

Do chỉ có ông Bùi Văn P là người có nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền nêu trên, trong khi quyền sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cấp chung cho ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T và tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây dựng trên đất chưa xác định được quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Văn P hay của vợ ông P là bà Lê Tú T.

Để có cơ sở thi hành án đúng quy định của pháp luật, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự đã thông báo cho người phải thi hành án, người được thi hành án và người có liên quan thực hiện việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014, để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đã hết thời hạn theo quy định nhưng không có ai thực hiện theo nội dung Thông báo của cơ quan Thi hành án dân sự.

Nay bà Trần Thị L là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất ông Bùi Văn P trong khối tài sản được cấp chung cho ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đất 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60, địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật, làm cơ sở để Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B thi hành án. Không yêu cầu gì khác.

Ông Bùi Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông P xác định mặc dù diện tích đất 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đứng tên là vợ chồng ông và bà Lê Tú T nhưng thực tế nguồn gốc đất là nguồn tiền chung của bà T và chị gái là chị Lê Thị O cùng hùn tiền mua từ năm 2003 (mua trước khi kết hôn với ông P vào năm 2004), mua từ ông Lý Minh T2. Sau đó bà O đã cho lại cho bà T. Nhưng vì khi mua là giấy

tay nên đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lúc đó vợ chồng ông P và bà T đã kết hôn, vì sơ ý nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đứng tên chung của vợ chồng ông P và bà T. Nên nay ông P xác định phần diện tích đất này thì bà T chỉ cho ông có quyền sử dụng 5% trong diện tích đất này, phần 95% là quyền sử dụng của bà T. Đối với cấu trúc tài sản trên đất là nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông), diện tích xây dựng hết đất là của anh trai ông P là ông Bùi Văn H, ông H bỏ tiền ra xây dựng cấu trúc căn nhà này và cho vợ chồng ông P thuê lại ở cho đến nay nên cấu trúc tài sản trên đất không phải của vợ chồng ông P và bà T. Ông P đồng ý đối với yêu cầu của ông H về việc xác định ông H có quyền sở hữu đối với toàn bộ cấu trúc tài sản gắn liền trên đất, không có yêu cầu gì khác.

Bà Lê Tú T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là do bà Lê Thị O là chị gái bà T mua từ năm 2003, mua từ ông Lý Minh T2. Sau đó bà O đã cho lại cho bà T cho trước khi bà T kết hôn. Đến tháng 6 năm 2003, gia đình phía bà T tự xây cất nhà tạm để ở và kinh doanh vừa củ tỏi cùng gia đình trước thời điểm kết hôn với ông Bùi Văn P. Đến năm 2006 thì ông P mới về nhà này để ở cùng chăm sóc con nên mẹ và chị gái bà T mua căn nhà khác để ở nhưng tài sản đất này vẫn là của bà T.

Đến năm 2012, vợ chồng bà về ở tại 2D, khu tập thể Đ, đường T, khóm B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Bà T bán đất lại cho ông H bằng giấy viết tay do đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông H cất nhà trên thửa đất và do buôn bán ở nhiều nơi không có nhu cầu ở thường xuyên căn nhà này nên cho bà T và ông P thuê lại giá rẻ vừa ở vừa giữ gìn đồ đạc cho ông H.

Đến ngày 25/01/2019, do không nắm rõ về pháp lý kê khai nguồn gốc đất nên có sự nhầm lẫn dẫn đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lại cấp cho vợ chồng bà T và ông P.

Hiện nay, ông P có liên quan đến nợ bên ngoài không liên quan đến bà T. Đối với phần diện tích đất 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì bà T chỉ đồng ý chia cho ông P 05%, còn lại 95% là thuộc quyền sử dụng của bà T. Đối với cấu trúc tài sản trên đất là thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn H. Không yêu cầu gì khác.

Ông Bùi Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông H yêu cầu Tòa án xác định cấu trúc nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông) gắn liền trên diện tích đất 61,7m² tại thửa đất số: 173; Tờ bản đồ số: 60 tại đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thuộc quyền sở hữu của ông H, đối với quyền sử dụng đất thì ông H không có ý kiến.

Ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Ánh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Vợ chồng ông D và bà T1 là người được thi hành án và ông P là người có nghĩa vụ thi hành án, theo Bản án số 10/2020/DSST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu và Bản án số 99/2020/DS-PT

ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Từ khi án có hiệu lực pháp luật đến nay, vợ chồng ông D và bà T1 có yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo quyết định của Bản án nhưng đến nay ông P vẫn chưa thực hiện việc trả nợ. Ông P có khả năng trả nợ nhưng không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vợ chồng ông D và bà T1 thống nhất với yêu cầu của bà L, không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên họp:**

+ Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Văn H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu và sự trình bày trước đây, không bổ sung gì thêm.

+ Ông Bùi Văn P giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây, không bổ sung gì thêm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Văn P để thi hành án. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn P về việc xác định quyền sở hữu đối với các cấu trúc tài sản trên đất. Xác định diện tích đất 61,7m² tại thửa đất số: 173; Tờ bản đồ số: 60 tại đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gắn liền trên đất là thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T. Ông Bùi Văn P được quyền sở hữu, quyền sử dụng ½ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng (gồm thửa đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nhận định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bà L, ông D và bà T1 có đơn xin vắng mặt; bà T vắng mặt tại phiên họp lần thứ hai nên căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định.

[2] *Về quyền yêu cầu:* Ngày 05/6/2024, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu có Thông báo số 672/TB-CCTHA về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, thông báo về quyền thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện tại Tòa án đối với tài sản nêu trên, tuy nhiên hết thời hạn quy định ông P và bà T không thực hiện. Ngày 16/7/2024, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu ra Thông báo số: 814/TB-CCTHA về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Ánh T1 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án nhưng ông D và bà T1 không có yêu cầu. Nên bà Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự có quyền yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Văn P để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

[3] *Đối với việc thụ lý yêu cầu của ông Bùi Văn H thấy rằng:*

[3.1] Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2024 của ông Bùi Văn H có yêu cầu: “*Yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết xác nhận cấu trúc nhà ở gắn liền trên đất thuộc sở hữu của tôi, tọa lạc tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60 đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Về phần đất tôi không có yêu cầu.*”

[3.2] Tại biên bản ghi lời khai người đại diện theo uỷ quyền của ông H trình bày: “*Vì hiện nay, diện tích đất tại thửa đất số: 173; Tờ bản đồ số: 60 tại đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gắn liền trên đất cụ thể là cấu trúc nhà của ông H bị cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B kê biên để thi hành án đối với nghĩa vụ phải thi hành án của ông P, trong khi cấu trúc nhà là của ông H nên ông H mới có yêu cầu khởi kiện ra Tòa để bảo vệ quyền lợi của ông H. Ông Trần Minh T3 là chấp hành viên phụ trách vụ việc này ở giai đoạn Thi hành án nhưng hiện nay đã được giao lại cho chấp hành viên là bà Trần Thị L*”

[3.3] Tại biên bản ghi lời khai của ông Bùi Văn P và bản tự khai của bà Lê Tú T đều có ý kiến thống nhất với ông H là toàn bộ cấu trúc tài sản trên đất là của ông H.

[3.4] Như vậy, ông H, ông P và bà T đều thống nhất xác định cấu trúc tài sản trên đất đều thuộc quyền sở hữu của ông H nên giữa các đương sự là không có sự tranh chấp với nhau về quyền sở hữu các tài sản này nên cần xem xét đây là yêu cầu xác định quyền sở hữu của ông H đối với tài sản phải thi hành án nên được chuyển sang giải quyết theo thủ tục việc dân sự.

[4] *Về thẩm quyền:* Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu có thẩm quyền thi hành án bản án nên căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu.

[5] *Về nội dung giải quyết việc dân sự:*

[5.1] Xét yêu cầu của Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Văn P để thi hành án, thấy rằng: Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 945146 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T vào ngày 25/01/2019, đối với diện tích đất 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp thể hiện thửa đất số 173 này có nguồn gốc là vào ngày 20/3/2003 ông Bùi Văn P mua từ vợ chồng ông Lý Minh T2 và bà Võ Thị X đến ngày 25/01/2019 thì đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P và bà T.

[5.2] Về tài sản gắn liền trên đất: Nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông). Theo ông H, bà T và ông P đều xác định cấu trúc tài sản trên đất là của ông H xây dựng vào năm 2012 và ông H cho ông P và bà T thuê lại để ở, nhưng theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 945146 cụ thể phiếu lấy ý kiến khu dân cư và danh sách công khai ngày 22/11/2018 đều thể hiện nội dung: “*Đất do ông Lý Minh T2 khai phá sử dụng trước năm 1990. Đến năm 2003 thì ông T2 chuyển nhượng một phần đất cho*

ông Bùi Văn P (có giấy tay kèm theo) và ông P cất nhà tạm sử dụng. Đến khoảng năm 2012 thì ông P có sửa chữa lại và sử dụng cho đến nay”. Như vậy, việc thống nhất trình bày của ông H, ông P và bà T là mâu thuẫn với sự trình bày của ông P đã kê khai trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi hiện nay ông P đang có nghĩa vụ phải thi hành án nên việc thống nhất của ông P, ông H và bà T chỉ nhằm để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của ông P. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận ý kiến thống nhất của ông H, ông P và bà T về việc xác định nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông) là của ông H, mà có cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông P và bà T.

[5.3] Như vậy, quyền sử dụng đất diện tích 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gắn liền trên đất là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông P và bà T nên là tài sản chung hợp pháp của ông P và bà T. Vì vậy, ông P được quyền sở hữu, quyền sử dụng 1/2 (một phần hai) giá trị khối tài sản chung gồm quyền sử dụng đất diện tích 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gắn liền trên đất.

[5.4] Từ những căn cứ trên cho thấy yêu cầu của bà Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của ông Bùi Văn P để thi hành án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc xác định cấu trúc nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông) là thuộc quyền sở hữu của ông H.

[6] Như đã phân tích, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về lệ phí: Bà Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự không phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Ông Bùi Văn H có yêu cầu không được chấp nhận nên phải chịu lệ phí là 300.000 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003247 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;
- Các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 4; Khoản 4 Điều 11 và Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu đối với nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông) trên diện tích đất 61,7m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60; địa chỉ khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu của ông H.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Văn P để thi hành án.

3. Xác định diện tích đất 61,7m² tại thửa đất số: 173; Tờ bản đồ số: 60 tại đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 945146 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Lê Tú T và ông Bùi Văn P vào ngày 25/01/2019 và các tài sản gắn liền trên đất là nhà cấp III, có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông), diện tích 61,7m² là thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Lê Tú T. Ông Bùi Văn P được quyền sở hữu, quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung là diện tích đất 61,7m² tại thửa đất số: 173; Tờ bản đồ số: 60 tại đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gắn liền trên đất là nhà cấp III diện tích 61,7m², có kết cấu (01 trệt) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch bao quanh (có sơn) nền gạch men, mái lợp ngói (mái đổ bê tông) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự không phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Ông Bùi Văn H phải chịu lệ phí là 300.000 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003247 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Hồng T4